

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0100106384

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 4 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được thay đổi bảy lần. Lần thay đổi thứ 7 ngày 18 tháng 10 năm 2013.

Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này

Hội đồng Quản trị	Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8/10/2016)
	Ông Vũ Hữu Tuynh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/9/2016)
	Ông Ưng Tiến Đỗ	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25/4/2016)
	Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Phạm Bình Minh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Quang	Thành viên
	Ông Chu Mạnh Hùng	Thành viên
	Ông Đậu Chí Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/11/2016)
	Bà Hoàng Thị Thu An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/4/2016)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc
	Ông Chu Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát
	Bà Hoàng Ngọc Bội	Thành viên Ban kiểm soát
	Ông Hoàng Như Thái	Thành viên Ban kiểm soát
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tổ 8, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

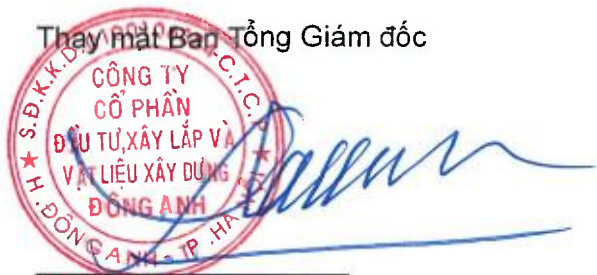
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (sau đây gọi là "Công ty") và các công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2017. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.23 của báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Đơn vị kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán có ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 8 tháng 3 năm 2016.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Trần Khắc Thế
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2043-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1747
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Cẩm Ly
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3067-2014-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		216.117.270.603	210.800.807.980
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	16.740.717.911	17.943.861.947
111	Tiền		16.740.717.911	17.943.861.947
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		99.424.895.643	95.996.285.183
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	73.735.413.635	57.768.842.103
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.161.251.781	6.568.816.155
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	21.120.637.110	25.579.889.710
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	6.228.631.152	7.859.735.811
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(5.821.038.035)	(1.780.998.596)
140	Hàng tồn kho	7	98.066.825.892	93.741.072.388
141	Hàng tồn kho		98.066.825.892	93.741.072.388
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.884.831.157	3.119.588.462
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.332.901.468	3.119.588.462
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(a)	551.929.689	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		72.908.692.664	65.158.416.979
220	Tài sản cố định		58.769.347.170	52.998.929.766
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	50.021.010.870	44.232.453.066
222	Nguyên giá		131.809.408.285	117.042.767.086
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(81.788.397.415)	(72.810.314.020)
221	Tài sản cố định vô hình	8(b)	8.748.336.300	8.766.476.700
222	Nguyên giá		9.761.360.700	9.761.360.700
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.013.024.400)	(994.884.000)
240	Tài sản dở dang dài hạn		7.394.653.110	7.629.781.910
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	7.394.653.110	7.629.781.910
250	Đầu tư tài chính dài hạn		3.781.932.428	2.780.860.676
252	Đầu tư vào công ty liên kết	10	3.781.932.428	2.780.860.676
260	Tài sản dài hạn khác		2.962.759.956	1.748.844.627
261	Chi phí trả trước dài hạn		2.962.759.956	1.748.844.627
270	TỔNG TÀI SẢN		289.025.963.267	275.959.224.959

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		196.657.201.946	200.706.346.793
310	Nợ ngắn hạn		193.120.013.770	198.047.098.929
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	117.207.748.986	96.039.285.273
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	1.477.325.640	24.763.430.195
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13(b)	769.670.928	1.778.597.385
314	Phải trả người lao động		9.167.606.821	8.267.399.543
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		2.797.847	476.897.288
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	2.898.420.693	8.766.035.238
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15(a)	60.615.092.780	54.085.928.950
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	981.350.075	3.869.525.057
330	Nợ dài hạn		3.537.188.176	2.659.247.864
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15(b)	3.537.188.176	2.659.247.864
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		92.368.761.321	75.252.878.166
410	Vốn chủ sở hữu		74.765.775.832	59.118.989.665
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	29.500.000.000	29.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		29.500.000.000	29.500.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	18	(1.140.000)	(1.140.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	26.440.703.263	26.440.703.263
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	3.179.426.402	3.179.426.402
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	15.646.786.167	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		15.646.786.167	-
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	17.602.985.489	16.133.888.501
440	TỔNG NGUỒN VỐN		289.025.963.267	275.959.224.959

Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG ANH

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	812.714.094.811	583.932.387.755
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		812.714.094.811	583.932.387.755
11	Giá vốn hàng bán	23	(715.238.380.271)	(501.786.664.727)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.475.714.540	82.145.723.028
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.194.622.796	2.386.822.248
22	Chi phí tài chính	25	(4.347.608.085)	(4.504.425.542)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.347.608.085	4.504.425.542
24	Phần lãi trong công ty liên kết	10	1.001.071.752	253.879.565
25	Chi phí bán hàng	26	(20.984.967.882)	(19.298.528.748)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(53.936.110.585)	(42.691.061.054)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.402.722.536	18.292.409.497
31	Thu nhập khác		201.075.945	2.259.570.335
32	Chi phí khác		(75.521.924)	(1.088.293.286)
40	Lợi nhuận khác - số thuần	28	125.554.021	1.171.277.049
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.528.276.557	19.463.686.546
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	(4.412.393.402)	(4.322.409.330)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.115.883.155	15.141.277.216
	Phân bổ cho			
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		15.646.786.167	13.475.057.414
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.469.096.988	1.666.219.802
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21		3.582

Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng

Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	21.528.276.557	19.463.686.546
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	10.650.212.875	6.745.107.311
03	Các khoản dự phòng	3.038.967.687	519.272.685
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.299.719.806)	(4.490.029.626)
06	Chi phí lãi vay	4.347.608.085	4.758.305.107
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	37.265.345.398	26.996.342.023
09	Tăng các khoản phải thu	(10.238.031.988)	(11.478.358.125)
10	Tăng hàng tồn kho	(4.325.753.504)	(25.158.510.730)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(6.914.830.593)	56.999.854.995
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	572.771.665	(229.318.796)
14	Tiền lãi vay đã trả	(4.280.777.897)	(6.717.836.267)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(5.518.579.206)	(4.888.144.837)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	6.560.143.875	35.524.028.263
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(16.607.677.196)	(12.553.200.809)
22	Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	527.272.727	1.323.000.000
24	Thu hồi gốc cho vay	1.845.751.000	-
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	2.566.324.196	2.196.311.249
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(11.668.329.273)	(9.033.889.560)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	664.317.100
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	171.619.450.740	189.580.487.087
34	Chi trả nợ gốc vay	(164.212.346.598)	(209.897.936.380)
36	Chi trả cổ tức	(3.502.062.780)	(4.204.063.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	3.905.041.362	(23.857.195.393)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.203.144.036)	2.632.943.310
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	17.943.861.947	15.310.918.637
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	16.740.717.911	17.943.861.947

Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh ("Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 28/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp cung ứng vật tư vận tải – Trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp thi công cơ giới. Vào ngày 1/1/1996, Xí nghiệp được đổi tên là Công ty Vật tư và sản xuất VLXD Đông Anh.

Theo Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 28/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư và sản xuất VLXD Đông Anh được chuyển đổi thành Công ty CP Tấm lợp – VLXD Đông Anh. Vào ngày 1/9/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100106384 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/11/2004 (đăng ký lần đầu ngày 05/04/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/10/2013).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết được trình bày như sau:

Đơn vị	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu/ biểu quyết
2 Công ty con		
- Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	Thôn Đông Dương, xã Lập Thạch, Sơn Lương, Hòa Bình	54,42%
- Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	Thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	51,00%
1 Công ty liên kết		
- Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	45,58%

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp amiăng, xi măng;
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp kim loại màu và các sản phẩm tấm lợp khác;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh cầu trục, cổng trục và kết cấu thép;
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ, cửa chớp, cổng, vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con là 765 nhân viên (2015: 752 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được soạn lập theo Thông tư 202/2014/TT-BTC – Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết, Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty và các công ty con với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty và các công ty con trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty và các công ty con áp dụng.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền cho giá xuất của thành phẩm; nhập trước xuất trước cho giá xuất nguyên vật liệu và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	2 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản cố định khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc theo thời hạn của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, nếu thời hạn này ngắn hơn.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa và tính vào giá trị của tài sản đó trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập của Công ty và các công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(c) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận thuần và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty và các công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty và các công ty con sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính trong đó bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty và các công ty con đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty và các công ty con trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2016, Công ty và các công ty con không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty và các công ty con áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31/12/2016 cần phải lập là khoảng 11 tỷ Đồng Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Tiền mặt	7.435.317.523	8.613.204.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.305.400.388	9.330.657.152
	16.740.717.911	17.943.861.947
	16.740.717.911	17.943.861.947

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Bên thứ ba	59.730.538.430	53.816.052.326
<u>Trong đó:</u>		
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Công nghiệp</i>	4.744.561.950	392.000.000
<i>Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí</i>	4.503.201.128	12.659.466.702
<i>Các khách hàng khác</i>	50.482.775.352	40.764.585.624
Bên liên quan (Thuyết minh số 31(b))	14.004.875.205	3.952.789.777
	73.735.413.635	57.768.842.103
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(5.821.038.035)	(1.780.998.596)
	67.914.375.600	55.987.843.507
	67.914.375.600	55.987.843.507

(*) Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2016 như sau:

	31/12/2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP Xây lắp Hải Long	3.310.801.374	993.240.412	2.317.560.962
Các khách hàng khác	11.398.651.288	7.895.174.215	3.503.477.073
	14.709.452.662	8.888.414.627	5.821.038.035
	14.709.452.662	8.888.414.627	5.821.038.035

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày	Phát sinh trong năm		Tại ngày
	1/1/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Bên liên quan				
(Thuyết minh số 31(b))				
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	22.522.727.010	-	(1.858.987.000)	20.663.740.010
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	3.057.162.700	-	(2.600.265.600)	456.897.100
	<u>25.579.889.710</u>	<u>-</u>	<u>(4.459.252.600)</u>	<u>21.120.637.110</u>

Đây là các khoản vay ngắn hạn mà Công ty cho các bên liên quan vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho các bên liên quan. Gốc vay được trả dần trong vòng 12 tháng. Lãi cho vay được trả hàng quý, căn cứ vào lãi suất của ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo từng thời điểm.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	1/1/2016
	VNĐ	VNĐ
Bên liên quan (Thuyết minh số 31(b))	997.471.100	1.355.936.500
- Phải thu về phí sử dụng vốn vay	997.471.100	1.355.936.500
Bên thứ ba	5.231.160.052	6.503.799.311
	<u>6.228.631.152</u>	<u>7.859.735.811</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự	Giá gốc	Dự
	VNĐ	phòng	VNĐ	phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên vật liệu	58.102.601.715	-	66.147.361.094	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	253.029.086	-
Thành phẩm	39.964.224.177	-	27.340.682.208	-
	<u>98.066.825.892</u>	<u>-</u>	<u>93.741.072.388</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị, dụng cụ văn phòng VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1/1/2016	19.552.864.236	67.924.241.184	28.970.695.031	400.285.365	194.681.270	117.042.767.086
Phân loại lại	110.000.000	672.317.000	(782.317.000)	-	-	-
Mua trong năm	-	3.204.279.454	2.364.335.425	-	-	5.568.614.879
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh số 9)	3.545.383.431	7.728.807.686	-	-	-	11.274.191.117
Thanh lý, nhượng bán	(702.568.646)	(107.069.000)	(1.266.527.151)	-	-	(2.076.164.797)
Tại ngày 31/12/2016	22.505.679.021	79.422.576.324	29.286.186.305	400.285.365	194.681.270	131.809.408.285
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1/1/2016	(13.850.006.848)	(46.032.257.851)	(12.570.173.088)	(268.323.207)	(89.553.026)	(72.810.314.020)
Phân loại lại	(110.719.998)	(72.546.781)	176.893.447	6.373.332	-	-
Khấu hao trong năm	(1.053.273.403)	(5.790.966.683)	(3.715.902.561)	(71.929.828)	-	(10.632.072.475)
Thanh lý, nhượng bán	702.568.646	107.069.000	844.351.434	-	-	1.653.989.080
Tại ngày 31/12/2016	(14.311.431.603)	(51.788.702.315)	(15.264.830.768)	(333.879.703)	(89.553.026)	(81.788.397.415)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1/1/2016	5.702.857.388	21.891.983.333	16.400.521.943	131.962.158	105.128.244	44.232.453.066
Tại ngày 31/12/2016	8.194.247.418	27.633.874.009	14.021.355.537	66.405.662	105.128.244	50.021.010.870

Tại ngày 31/12/2016, nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 46.903.682.056 Đồng Việt Nam (2015: 26.465.801.136 Đồng Việt Nam).

Tại ngày 31/12/2016, TSCĐ của Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 27.336.551.405 Đồng Việt Nam đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	TSCĐ vô hình khác (*) VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1/1/2016	870.721.700	8.890.639.000	9.761.360.700
Tại ngày 31/12/2016	870.721.700	8.890.639.000	9.761.360.700
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1/1/2016	(105.819.000)	(889.065.000)	(994.884.000)
Khấu hao trong năm	(18.140.400)	-	(18.140.400)
Tại ngày 31/12/2016	(123.959.400)	(889.065.000)	(1.013.024.400)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1/1/2016	764.902.700	8.001.574.000	8.766.476.700
Tại ngày 31/12/2016	746.762.300	8.001.574.000	8.748.336.300

(*) Tài sản cố định vô hình khác là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng san lấp đất tại Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6.

9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án lô đất Khu 2 có diện tích 14.333 m² tại xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 30/8/2010), với tổng chi phí liên quan đã phát sinh là 7,4 tỷ Đồng Việt Nam. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng của khu đất này từ đất đai sản xuất kinh doanh sang đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở hỗn hợp.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	7.629.781.910	7.179.685.309
Xây dựng cơ bản	11.039.062.317	1.724.166.301
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh số 8)	(11.274.191.117)	(1.274.069.700)
Số dư cuối năm	7.394.653.110	7.629.781.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

10 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị sổ sách VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị sổ sách VNĐ
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	5.743.500.000	3.781.932.428	5.743.500.000	2.780.860.676

Biến động trong năm của số dư đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo giá trị sổ sách như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	2.780.860.676	2.526.981.111
Lợi nhuận trong năm	1.001.071.752	253.879.565
Số dư cuối năm	3.781.932.428	2.780.860.676

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Bên thứ ba	117.132.629.836	95.930.126.133
<u>Trong đó:</u>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải</i>	53.001.178.264	47.970.273.848
<i>Công ty TNHH SXTM Thép Việt Dũng</i>	12.909.075.709	2.425.521.209
<i>Nhà cung cấp khác</i>	51.222.375.863	45.534.331.076
Bên liên quan (Thuyết minh số 31(b))	75.119.150	109.159.140
	117.207.748.986	96.039.285.273

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Bên thứ ba	1.477.325.640	24.763.430.195
<u>Trong đó:</u>		
<i>Tổng Công ty 319 – Bộ Quốc Phòng</i>	-	16.000.000.000
<i>Đối tượng khác</i>	1.477.325.640	8.763.430.195
	1.477.325.640	24.763.430.195

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	530.031.272	-
Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)	20.762.194	-
Các loại thuế khác	1.136.223	-
	<u>551.929.689</u>	<u>-</u>
(b) Thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước		
Thuế GTGT	280.932.909	590.322.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	458.053.936	1.034.208.468
Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)	30.684.083	106.473.329
Các loại thuế khác	-	47.593.200
	<u>769.670.928</u>	<u>1.778.597.385</u>

Tình hình biến động của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Tại ngày 31/12/2016 VNĐ
(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước				
Thuế TNDN	-	530.031.272	-	530.031.272
Thuế TNCN	-	20.762.194	-	20.762.194
Các loại thuế khác	-	1.136.223	-	1.136.223
	<u>-</u>	<u>551.929.689</u>	<u>-</u>	<u>551.929.689</u>
(b) Thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước				
Thuế GTGT	590.322.388	23.715.733.574	(24.025.123.053)	280.932.909
Thuế TNCN	106.473.329	567.340.184	(663.891.624)	9.921.889
Thuế TNCN – chuyển sang phải thu	-	20.762.194	-	20.762.194
Các loại thuế khác	47.593.200	53.214.495	(101.943.918)	(1.136.223)
Các loại thuế khác – chuyển sang phải thu	-	1.136.223	-	1.136.223
Thuế TNDN	1.034.208.468	4.412.393.402	(5.518.579.206)	(71.977.336)
Thuế TNDN – chuyển sang phải thu	-	530.031.272	-	530.031.272
	<u>1.778.597.385</u>	<u>29.300.611.344</u>	<u>(30.309.537.801)</u>	<u>769.670.928</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 31(b))	2.152.660	6.100.175.720
Phải trả khác	2.896.268.033	2.665.859.518
	<u>2.898.420.693</u>	<u>8.766.035.238</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1/1/2016 VNĐ	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 31/12/2016 VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	45.109.014.750	160.819.818.340	(154.247.654.510)	51.681.178.580
<u>Trong đó:</u>				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	29.000.000.000	85.073.618.080	(93.500.000.000)	20.573.618.080
- Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đông Anh	7.000.000.000	32.000.000.000	(22.000.000.000)	17.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Đông Anh	2.000.000.000	25.021.200.000	(15.021.200.000)	12.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đoàn Hùng	2.969.014.750	14.605.008.471	(17.574.023.221)	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hòn Gai	4.140.000.000	-	(4.140.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	4.119.991.789	(2.012.431.289)	2.107.560.500
Vay ngắn hạn cá nhân (ii)	8.976.914.200	7.940.000.000	(8.718.000.000)	8.198.914.200
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15(b))	-	735.000.000	-	735.000.000
	<u>54.085.928.950</u>	<u>169.494.818.340</u>	<u>(162.965.654.510)</u>	<u>60.615.092.780</u>

(i) Vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm các khoản vay ngắn hạn của Công ty và các công ty con với các ngân hàng thương mại trong nước theo các hợp đồng hạn mức tín dụng nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty và các công ty con. Các khoản vay áp dụng lãi suất cho vay của ngân hàng thông báo tại ngày giải ngân.

(ii) Vay ngắn hạn cá nhân là các khoản vay ngắn hạn của các công ty con với các cá nhân theo các hợp đồng vay vốn nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh cho các công ty con. Lãi suất vay trong khoảng từ 9% đến 12%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày
	1/1/2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	31/12/2016 VNĐ
Vay dài hạn ngân hàng	2.659.247.864	2.859.632.400	(1.246.692.088)	4.272.188.176
<u>Trong đó:</u>				
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>				
- <i>Chi nhánh Đông Anh (i)</i>	-	2.859.632.400	-	2.859.632.400
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i>				
- <i>Chi nhánh Đoàn Hùng (ii)</i>	599.000.000	-	(599.000.000)	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i>				
- <i>Chi nhánh Lương Sơn (ii)</i>	1.639.537.499	-	(539.392.222)	1.100.145.277
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</i>				
- <i>Chi nhánh Hà Tây (ii)</i>	420.710.365	-	(108.299.866)	312.410.499
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15(a))	-	-	(735.000.000)	(735.000.000)
	<u>2.659.247.864</u>	<u>2.859.632.400</u>	<u>(1.981.692.088)</u>	<u>3.537.188.176</u>

(i) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh cho mục đích tài trợ đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất. Khoản vay có thời hạn 4 năm kể từ ngày giải ngân. Lãi vay là lãi suất của ngân hàng thông báo tại thời điểm giải ngân.

(ii) Đây là các khoản vay của các công ty con tại các ngân hàng thương mại trong nước theo các hợp đồng hạn mức tín dụng nhằm thực hiện các dự án đầu tư và mua sắm TSCĐ. Các khoản vay có thời hạn từ 3 đến 5 năm. Lãi vay trong khoảng từ 9% đến 10,81%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận của Công ty và các công ty con. Biên động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	3.869.525.057	4.023.837.120
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	3.142.441.772
Sử dụng quỹ trong năm	(2.888.174.982)	(3.296.753.835)
Số dư cuối năm	<u>981.350.075</u>	<u>3.869.525.057</u>

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2016		1/1/2016	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	2.950.000	-	2.950.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>2.950.000</u>	<u>-</u>	<u>2.950.000</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>2.949.886</u>	<u>-</u>	<u>2.949.886</u>	<u>-</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		1/1/2016	
	Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	1.529.568	51,85%	1.529.568	51,85%
Các cổ đông cá nhân	1.420.432	48,15%	1.420.432	48,15%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>2.950.000</u>	<u>100%</u>	<u>2.950.000</u>	<u>100%</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu quỹ	Tổng cộng
Tại ngày 1/1/2016	2.950.000	2.949.886	114	2.950.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	<u>2.950.000</u>	<u>2.949.886</u>	<u>114</u>	<u>2.950.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2015	29.500.000.000	(1.140.000)	23.800.342.729	2.507.823.054	-	55.807.025.783
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.475.057.414	13.475.057.414
Trích cổ tức	-	-	-	-	(7.374.715.000)	(7.374.715.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.907.424.801)	(2.907.424.801)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.524.814.777	668.102.836	(3.192.917.613)	-
Khác	-	-	115.545.757	3.500.512	-	119.046.269
Tại ngày 31/12/2015	29.500.000.000	(1.140.000)	26.440.703.263	3.179.426.402	-	59.118.989.665
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.646.786.167	15.646.786.167
Tại ngày 31/12/2016	29.500.000.000	(1.140.000)	26.440.703.263	3.179.426.402	15.646.786.167	74.765.775.832

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

19 CỔ TỨC

Cổ tức phải trả:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	6.100.175.720	2.903.657.400
Cổ tức phải trả trong năm	-	7.400.581.520
Giảm trong năm	(6.098.023.060)	(4.204.063.200)
<u>Trong đó:</u>		
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền mặt	(3.497.757.460)	(4.204.063.200)
- Bù trừ cổ tức phải trả với khoản cho cổ đông vay	(2.600.265.600)	-
Số dư cuối năm (Thuyết minh số 14)	<u>2.152.660</u>	<u>6.100.175.720</u>

20 CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của Cổ đông không kiểm soát như sau:

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Vốn góp của chủ sở hữu	12.586.320.000	12.586.320.000
Quỹ đầu tư phát triển	3.268.091.401	3.268.091.401
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	279.477.100	279.477.100
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.469.096.988	-
	<u>17.602.985.489</u>	<u>16.133.888.501</u>

Biến động trong lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	16.133.888.501	10.539.397.539
Tăng vốn trong năm	-	5.530.320.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát trong năm	1.469.096.988	1.666.219.802
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(235.016.971)
Cổ tức đã chia	-	(1.247.985.600)
Khác	-	(119.046.269)
Số dư cuối năm	<u>17.602.985.489</u>	<u>16.133.888.501</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	31/12/2016	1/1/2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	15.646.786.167	13.475.057.414
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ)	-	(2.907.424.801)
	<u>15.646.786.167</u>	<u>10.567.632.613</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>2.949.886</u>	<u>2.949.886</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>5.304</u>	<u>3.582</u>

22 DOANH THU

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	<u>812.714.094.811</u>	<u>583.932.387.755</u>

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	<u>715.238.380.271</u>	<u>501.786.664.727</u>

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	55.269.796	44.311.248
Thu phí sử dụng vốn vay – bên liên quan (Thuyết minh số 31(a))	<u>2.139.353.000</u>	<u>2.342.511.000</u>
	<u>2.194.622.796</u>	<u>2.386.822.248</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**25 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí lãi vay	4.347.608.085	4.504.425.542

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	9.192.004.759	7.775.214.697
Chi phí khấu hao TSCĐ	405.447.540	437.343.540
Chi phí bằng tiền khác	11.387.515.583	11.085.970.511
	<u>20.984.967.882</u>	<u>19.298.528.748</u>

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	24.543.456.824	17.795.578.387
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	2.927.328.960	3.144.387.420
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.550.777.535	1.432.714.908
Dự phòng phải thu khó đòi	4.040.039.439	773.152.250
Thuế phí, lệ phí	3.243.402.584	5.265.084.694
Chi phí bằng tiền khác	17.631.105.243	14.280.143.395
	<u>53.936.110.585</u>	<u>42.691.061.054</u>

28 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Thu nhập khác		
Lợi nhuận từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	105.097.010	1.019.919.406
Các khoản khác	95.978.935	1.239.650.929
	<u>201.075.945</u>	<u>2.259.570.335</u>
Chi phí khác		
Truy thu, nộp phạt tiền thuế	57.191.267	1.029.054.377
Chi phí khác	18.330.657	59.238.909
	<u>75.521.924</u>	<u>1.088.293.286</u>
Lợi nhuận khác - số thuần	<u>125.554.021</u>	<u>1.171.277.049</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

29 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.528.276.557	19.463.686.546
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	4.305.655.311	4.282.011.040
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(263.179.497)
Chi phí không được khấu trừ	104.935.274	212.910.671
Chi phí khác	1.802.817	90.667.116
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>4.412.393.402</u>	<u>4.322.409.330</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	4.412.393.402	4.322.409.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
	<u>4.412.393.402</u>	<u>4.322.409.330</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	589.232.741.513	407.123.949.962
Chi phí nhân công	108.937.428.974	79.409.697.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.650.212.875	10.693.645.821
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.040.039.439	773.152.250
Chi phí bằng tiền khác	92.332.849.255	64.016.918.382
	<u>805.193.272.056</u>	<u>562.017.364.273</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Tên công ty	Mối quan hệ	
1. Tổng công ty LICOGI - CTCP	Công ty mẹ	
2. Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết	
3. Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	Công ty cùng tập đoàn	
4. Các cá nhân liên quan		

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
i) <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	37.725.137.818	4.912.986.460
ii) <i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	11.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	1.529.767.440	-
	<u>12.529.767.440</u>	<u>10.000.000.000</u>
iii) <i>Thu phí sử dụng vốn vay (Thuyết minh số 24)</i>		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	1.983.285.000	2.038.306.000
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	156.068.000	304.205.000
	<u>2.139.353.000</u>	<u>2.342.511.000</u>
iv) <i>Chi phí cho nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.770.343.000	2.087.803.000
	<u>2.770.343.000</u>	<u>2.087.803.000</u>
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
i) <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 4)</i>		
Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	13.747.273.100	3.695.187.672
Công ty Đầu tư và xây dựng LICOGI Số 2 (Chi nhánh Tổng Công ty LICOGI – CTCP)	61.516.000	61.516.000
Công ty CP Lắp máy điện nước	42.858.062	42.858.062
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	153.228.043	153.228.043
	<u>14.004.875.205</u>	<u>3.952.789.777</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 5)		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	20.663.740.010	22.522.727.010
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	456.897.100	3.057.162.700
	<u>21.120.637.110</u>	<u>25.579.889.710</u>
iii) Các khoản phải thu khác		
Phải thu về phí sử dụng vốn vay (Thuyết minh số 6)		
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	997.471.100	841.403.100
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	-	514.533.400
	<u>997.471.100</u>	<u>1.355.936.500</u>
iv) Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 11)		
Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	75.119.150	109.159.140
	<u>75.119.150</u>	<u>109.159.140</u>
v) Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 19)		
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	-	2.600.265.600
Các cổ đông khác	2.152.660	3.499.910.120
	<u>2.152.660</u>	<u>6.100.175.720</u>

32 CAM KẾT KHÁC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số giá trị thư tín dụng không hủy ngang cam kết thanh toán cho nhà cung cấp của Công ty và các công ty con là 13.747.254.200 Đồng Việt Nam (2015: 28.624.133.513 Đồng Việt Nam).

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc công ty phê duyệt ngày 30 tháng 3 năm 2017.



Nguyễn Thị Xuân
Người lập



Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc